

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ- ST
Ngày 10-01-2022
V/v Ly hôn và nuôi con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Hồng

- Bà Lê Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 15-12-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31-12-2021 giữa;

Nguyên đơn: Chị Nông Thị L, sinh năm 1984- Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 01 T, xã P, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Mai Văn N, sinh năm 1982- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 01 T, xã P, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-10-2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nông Thị L trình bày: Chị L kết hôn với anh Mai Văn N ngày 04-8-2002, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L. Sau khi kết hôn chị L và anh N chung sống hòa thuận đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N chơi bời, rượu chè, cờ bạc, có hành vi bạo lực gia đình, anh N không chăm lo cuộc sống gia đình. Chị L đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Chị L xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị L và anh N có hai con chung tên là Mai Thanh N, sinh ngày 04-02-2003 và Mai Chung N1, sinh ngày 23-5-2012. Cháu N trên 18 tuổi đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu N1 chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu N1 1.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung: Chị L và anh N có một nhà đất ba gian trị giá 50.000.000 đồng. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Bị đơn anh Mai Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh N vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 53, 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị L được ly hôn anh N; giao cháu N1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N1; chị L và anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của và bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm:* Chị Nông Thị L kết hôn với anh Mai Văn N ngày 04-8-2002, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P,

huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh N chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N chơi bời, rượu chè, cờ bạc, có hành vi bạo lực gia đình, anh N không chăm lo cuộc sống gia đình. Chị L đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Chị L xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Tại phiên tòa chị L vắng mặt nhưng chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh N. Về phía anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án đều vắng mặt không lý do. Mặc dù anh N biết việc chị L xin ly hôn nhưng anh N không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 23-11-2021 ở Thôn 01 T, xã P, huyện L, tỉnh Y nơi chị L và anh N cư trú, sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh N chơi bời, cờ bạc, rượu chè không tu trí làm ăn, không chăm lo đời sống gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị L và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị L được ly hôn anh N.

[4] *Về con chung*: Chị L và anh N có hai con chung tên là Mai Thanh N, sinh ngày 04-02-2003 và Mai Chung N1, sinh ngày 23-5-2012. Cháu N trên 18 tuổi đã trưởng thành chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu N1 chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu N1 1.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa chị L Vắng mặt nhưng chị vẫn giữ nguyên yêu cầu này. Đối với anh N trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa được Tòa án triệu tập hợp lệ anh N đều vắng mặt, mặc dù anh N biết được chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N1 và chị yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi cháu N1 1.000.000 đồng/tháng, nhưng anh N không có ý kiến gì. Xét thấy: Cháu N1 hiện nay đang ở cùng chị L, nguyện vọng của cháu được ở cùng chị L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình: “Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Anh N là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Qua xác minh tại thôn 1 Túc, xã P, huyện L, tỉnh Y nơi anh N cư trú sinh sống xác nhận: Thu nhập bình quân của anh N ở tại địa phương từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Do đó nguyện vọng của chị L được nuôi cháu N1 và yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N1 là có căn cứ pháp luật, phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu N1 được chấp nhận. Áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử: Giao cháu N1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N1 1.000.000 đồng/tháng

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Đơn khởi kiện chị L đề nghị chia tài sản chung và nợ chung. Ngày 05-11-2021 chị L có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của chị L là hoàn toàn tự nguyện, được Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu này. Áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

[6] *Về án phí*:

- Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Chị L và anh N không phải chịu án phí chia tài sản chung và nợ chung.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 238, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

1. *Về quan hệ hôn nhân xử*: Chị Nông Thị L được ly hôn anh Mai Văn N

2. *Về con chung xử*: Giao cháu Mai Chung N1, sinh ngày 23-5-2012 cho chị Nông Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Mai Văn N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N1 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 02 năm 2022 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

4. *Về án phí*:

- Chị Nông Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0002063 ngày 26-10-2021 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị L được hoàn lại 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Mai Văn N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. *Quyền kháng cáo*: Chị Nông Thị L, anh Mai Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Y;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã P;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Anh